

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Ban Thường vụ Đảng ủy xã Ba Dinh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch số 85-KH/TU để thực hiện phù hợp với điều kiện, quy mô, trình độ phát triển của địa phương; tập trung giải quyết những vấn đề thiết thực trong quản trị địa phương, cải cách hành chính, giáo dục, y tế, sản xuất nông nghiệp, bảo vệ rừng, phòng, chống thiên tai, bảo tồn văn hóa và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Từng bước xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và các nền tảng số vào sản xuất, kinh doanh, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm đặc trưng của địa phương.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân. Xác định đây là nhiệm vụ chiến lược cần được triển khai trên tất cả các lĩnh vực một cách quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài

với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, đề xuất và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện trong phạm vi phụ trách; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

- Nhiệm vụ phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp thẩm quyền, nguồn lực và khả năng tổ chức thực hiện của xã; kế thừa, sử dụng hiệu quả các nền tảng, cơ sở dữ liệu và hạ tầng dùng chung do Trung ương, tỉnh triển khai; không đầu tư dàn trải, trùng lặp.

- Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; ưu tiên các đối tượng còn hạn chế về thiết bị, kỹ năng số, người cao tuổi, người dân ở khu vực xa trung tâm; gắn chuyển đổi số với bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Lấy kết quả đầu ra, mức độ sử dụng thực chất và sự hài lòng của người dân làm thước đo; tăng cường kiểm tra, giám sát, định kỳ đánh giá, kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, chất lượng cung cấp dịch vụ công và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

- Hình thành phương thức làm việc dựa trên dữ liệu, môi trường làm việc số an toàn, minh bạch; nâng cao kỹ năng số và khả năng tiếp cận dịch vụ số của Nhân dân.

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ số trong nông nghiệp, lâm nghiệp, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai, phù hợp với điều kiện thực tế của xã Ba Đình.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng số

- Phối hợp với các sở, ngành và doanh nghiệp viễn thông phân đầu phủ sóng 5G đến các khu dân cư; ưu tiên trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn và các địa điểm phục vụ cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng mạng băng rộng cố định và mạng di động; từng bước khắc phục các khu vực có sóng yếu, chất lượng kết nối internet thấp.

b) Phát triển nguồn lực

- Bố trí kinh phí phù hợp trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số phù hợp với vị trí việc làm; sử dụng được các nền tảng số, phần mềm chuyên ngành, chữ ký số và hệ thống thông tin phục vụ công tác.

- Phân đầu 80% dân số trưởng thành được tiếp cận, sử dụng ít nhất một dịch vụ số thiết yếu trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, thanh toán hoặc dịch vụ công.

- Hằng năm có sáng kiến, giải pháp hoặc mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được triển khai hoặc đề xuất áp dụng để giải quyết vấn đề thực tiễn của cấp xã.

c) Phát triển chuyển đổi số

- 100% cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị có liên quan sử dụng các nền tảng, phần mềm quản trị, điều hành thống nhất theo hướng dẫn của cấp trên; hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử theo quy định, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc pháp luật quy định khác.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý được số hóa theo quy định; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến; phân đầu tối thiểu 85% hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến.

- Dữ liệu thuộc trách nhiệm quản lý, cập nhật của xã được chuẩn hóa, số hóa theo lộ trình; bảo đảm cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời và kết nối, chia sẻ trên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung khi có yêu cầu.

- Phân đầu ít nhất 90% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 và được hướng dẫn sử dụng ứng dụng VNeID; ít nhất 15% người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử theo quy định.

- Phân đầu ít nhất 60% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ kinh doanh đang hoạt động được tiếp cận, hướng dẫn ứng dụng ít nhất một nền tảng số phù hợp trong quản lý, thanh toán, quảng bá, truy xuất nguồn gốc hoặc tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng số

Tiếp tục nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi phủ sóng mạng di động băng rộng và cáp quang; phối hợp triển khai thể hệ mạng di động mới theo lộ trình của tỉnh, ưu tiên khu dân cư vùng sâu, vùng xa và khu vực kết nối còn hạn chế.

b) Phát triển nguồn lực

- Bố trí kinh phí phù hợp trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật, bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- Phần đầu 90% dân số trưởng thành thường xuyên tiếp cận các dịch vụ số thiết yếu, như y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển chuyển đổi số

- Phần đầu tối thiểu 95% hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến; 100% quy trình nghiệp vụ đủ điều kiện được chuẩn hóa, số hóa và thực hiện trên môi trường số.
- Phần đầu ít nhất 95% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử mức độ 2; ít nhất 20% người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử.
- Phần đầu ít nhất 75% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ kinh doanh đang hoạt động ứng dụng nền tảng số phù hợp.

2.3. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng số

Hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn được nâng cấp đồng bộ, ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ số; triển khai các thể hệ mạng di động mới theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

b) Phát triển nguồn lực

- Bố trí kinh phí phù hợp trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Phần đầu 95% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số thiết yếu, như y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Tiếp tục nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ, khai thác dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) Phát triển chuyển đổi số

- Phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến; dữ liệu thuộc trách nhiệm của xã được cập nhật, khai thác và chia sẻ phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành.
- Phần đầu 100% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử mức độ 2; ít nhất 30% người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử.
- Phần đầu ít nhất 85% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ kinh doanh

đang hoạt động ứng dụng nền tảng số phù hợp.

2.4. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng số

Hạ tầng số trên địa bàn cơ bản hiện đại, đồng bộ, kết nối ổn định, an toàn; người dân tại các khu dân cư được tiếp cận dịch vụ viễn thông, internet chất lượng cao theo lộ trình phát triển hạ tầng của tỉnh và quốc gia.

b) Phát triển nguồn lực

- Bố trí kinh phí phù hợp trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- 100% dân số trưởng thành có khả năng tiếp cận, sử dụng dịch vụ số thiết yếu.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có khả năng làm việc chủ yếu trên môi trường số, khai thác hiệu quả dữ liệu và các công cụ công nghệ phù hợp.

c) Phát triển chuyển đổi số

- Hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện chủ yếu trên môi trường số, dựa trên dữ liệu; dịch vụ công được cung cấp chủ động, thuận tiện và phù hợp với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Phần đầu ít nhất 40% người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử.

- Phần đầu 100% doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác; ít nhất 90% hộ kinh doanh đang hoạt động ứng dụng nền tảng số phù hợp trong quản lý, sản xuất, thanh toán, quảng bá hoặc tiêu thụ sản phẩm.

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được ứng dụng sâu rộng trong quản trị địa phương, giáo dục, y tế, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của xã, Tổ giúp việc và các đầu mối tham mưu theo quy định, hướng dẫn của cấp trên; bảo đảm hoạt động thực chất, không hình thức.

- Đưa nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào chương trình công tác hằng năm của cấp ủy, cơ quan, đơn vị; gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên

chức.

- Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền bằng hình thức phù hợp; xây dựng nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, tăng cường sử dụng hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử, mạng xã hội và sinh hoạt cộng đồng; chú trọng tuyên truyền phù hợp với đồng bào dân tộc Hrê.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, giáo viên, lực lượng công an, hội viên các đoàn thể trong hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, chữ ký số và kỹ năng phòng tránh lừa đảo trên không gian mạng.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị mà trực tiếp là người đứng đầu căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể hóa Kế hoạch trong chương trình công tác hằng năm, giai đoạn phù hợp với tình hình thực tiễn tại thời điểm xây dựng; xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ, trách nhiệm chủ trì, phối hợp và nguồn lực thực hiện; ưu tiên nhiệm vụ thiết thực, có khả năng đo lường, đánh giá.

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện trong phạm vi phụ trách; kết quả thực hiện là một trong những căn cứ đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Huy động Trang thông tin điện tử xã; chuyên mục, trang thông tin điện tử các tổ chức chính trị - xã hội xã để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Triển khai sâu rộng phong trào “bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán

bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Thực hiện chuẩn mực ứng xử trên môi trường mạng; nâng cao ý thức khai thác, sử dụng thông tin có trách nhiệm, tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tổ chức tuyên truyền, bồi dưỡng về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp; kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục các hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức trên không gian mạng.

3. Thực hiện các thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tế tại địa phương ngay sau khi Trung ương và tỉnh ban hành.

- Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra theo Kế hoạch, đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong xã theo Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

5. Xây dựng, triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số xã

5.1. Phát triển hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và dữ liệu số

- Rà soát, cập nhật khu vực sóng yếu, mất sóng, chất lượng internet thấp; tổng hợp nhu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền và doanh nghiệp viễn thông đầu tư, nâng cấp hạ tầng, ưu tiên khu dân cư, điểm trường, trạm y tế, nhà văn hóa thôn và khu vực thường xuyên bị chia cắt do thiên tai.

- Bảo đảm mạng truyền số liệu chuyên dùng, đường truyền internet, thiết bị và điều kiện kỹ thuật phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị; quản lý, khai thác hiệu quả tài sản, thiết bị đã được đầu tư.

- Rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính;

tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, trả kết quả điện tử; duy trì hỗ trợ trực tiếp cho người dân chưa có thiết bị hoặc kỹ năng số, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ công việc và tài liệu lưu trữ theo quy định; nâng cao chất lượng cập nhật dữ liệu theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Sử dụng thống nhất hệ thống quản lý văn bản, chữ ký số, thư điện tử công vụ và các nền tảng dùng chung; đẩy mạnh thực hiện Đề án 06, định danh và xác thực điện tử; hướng dẫn người dân khai thác tiện ích VNeID và các dịch vụ số thiết yếu.

- Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh áp dụng truy xuất nguồn gốc, mã QR, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; gắn đổi mới mẫu mã, bao bì, chất lượng với sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của địa phương.

5.2. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực

- Khuyến khích ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi; quản lý, bảo vệ rừng; giám sát môi trường, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh; ưu tiên giải pháp phù hợp với quy mô hộ gia đình và điều kiện miền núi.

- Ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn, số hóa, giới thiệu giá trị văn hóa, lịch sử, tiếng nói, phong tục tốt đẹp của đồng bào H'rê; quảng bá cảnh quan, sản phẩm và tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật.

- Thúc đẩy ứng dụng nền tảng số trong giáo dục, y tế, bảo hiểm, an sinh xã hội; phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại cơ quan, trường học, cơ sở y tế và các điểm cung cấp dịch vụ đủ điều kiện.

- Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, học sinh và Nhân dân đề xuất sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật, cải cách hành chính và chuyển đổi số; lựa chọn mô hình hiệu quả để thí điểm, đánh giá và nhân rộng.

6. Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng số

- Rà soát nhu cầu, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; chú trọng kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng công cụ số, trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước.

- Tổ chức hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người dân theo nhóm đối tượng, địa bàn; ưu tiên người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo và người còn hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ.

- Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”; phát huy lực lượng trẻ, Tổ công nghệ số cộng đồng và các tổ chức đoàn thể trong hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số.

7. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

7.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và dữ liệu cá nhân

Rà soát, hoàn thiện quy chế nội bộ về quản lý, khai thác hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý; nâng cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và cá nhân trong quản lý tài khoản, thiết bị, dữ liệu và sử dụng hệ thống thông tin.

7.2. Tăng cường năng lực phòng ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý sự cố

- Phân công đầu mối tiếp nhận, phối hợp xử lý sự cố; thực hiện sao lưu dữ liệu, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, cập nhật phần mềm và phòng, chống mã độc; kịp thời báo cáo, đề nghị cơ quan chuyên môn hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

- Tăng cường tuyên truyền, cảnh báo phương thức, thủ đoạn lừa đảo trên không gian mạng; kiểm tra việc chấp hành quy định về an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

8. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; lấy kết quả đầu ra, mức độ sử dụng thực chất và sự hài lòng của người dân làm cơ sở đánh giá.

- Công khai, minh bạch thông tin về chương trình, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện; quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả; kịp thời chấn chỉnh biểu hiện hình thức, chậm trễ, trùng lặp, lãng phí.

- Đẩy mạnh tuyên truyền kết quả, mô hình, sáng kiến tiêu biểu; định kỳ sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng và đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp thực tiễn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Đảng ủy

- Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ đạo xã; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy; các chi bộ trực thuộc Đảng ủy trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch này; định kỳ nghe báo cáo, cho ý kiến đối với nhiệm vụ trọng tâm, khó khăn, vướng mắc và việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ khi cần thiết.

- Chỉ đạo đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào nội dung kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu theo quy định; thực hiện việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có)

trong quá trình triển khai.

2. Ban Chỉ đạo xã

- Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối việc thực hiện; xây dựng chương trình công tác, phân công nhiệm vụ, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo định kỳ hoặc khi cần thiết; kịp thời đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh nhiệm vụ phù hợp thực tiễn và hướng dẫn của cấp trên.

3. Chi bộ Ủy ban nhân dân xã

- Lãnh đạo UBND xã cụ thể hóa Kế hoạch bằng chương trình, kế hoạch hằng năm; xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn và nguồn lực; chỉ đạo tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Lãnh đạo việc rà soát, lồng ghép, bố trí nguồn lực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm của cơ quan chuyên môn, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện.

- Chỉ đạo phân công đơn vị làm đầu mối chủ trì, phối hợp các các cơ quan liên quan tham mưu quản lý nhà nước, theo dõi, tổng hợp chung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy

4.1. Ban Xây dựng Đảng tham mưu công tác quán triệt, tuyên truyền, triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”; tham mưu gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng; theo dõi việc thực hiện tại các chi bộ trực thuộc theo chức năng.

4.2. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo xã và các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 85-KH/TU và Kế hoạch này đối với các tổ chức đảng, đảng viên theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, tham mưu chấn chỉnh hạn chế, khuyết điểm; xem xét, xử lý hoặc đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của Đảng, nhất là biểu hiện thiếu trách nhiệm, chậm trễ, hình thức, gây lãng phí, thất thoát nguồn lực trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

4.3. Văn phòng Đảng ủy tham mưu chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; bảo đảm khai thác, sử dụng các nền tảng số dùng chung của Đảng; thực hiện nhiệm vụ Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo xã; theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia; tổ chức, phối hợp triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội.

- Đoàn Thanh niên phát huy lực lượng trẻ, phối hợp Tổ công nghệ số cộng đồng và các đơn vị hỗ trợ kỹ năng số cho người dân, nhất là tại các thôn, khu dân cư xa trung tâm.

6. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Các chi bộ, cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện 3 tháng, 6 tháng, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo xã để tổng hợp, tham mưu báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy và Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định.

- Việc cập nhật tiến độ trên hệ thống theo dõi thực hiện nghị quyết của Trung ương được thực hiện theo tài khoản, phân quyền và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Tổ chức sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo của cấp trên và yêu cầu thực tiễn.

7. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, phù hợp khả năng cân đối ngân sách của xã; nguồn lồng ghép từ chương trình, đề án, dự án; nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, chi bộ UBND xã chỉ đạo UBND xã rà soát, cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí theo quy định; tăng cường phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, doanh nghiệp và các tổ chức để hỗ trợ hạ tầng, thiết bị, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật; quản lý, sử dụng kinh phí công khai, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- TT HĐND, UBND xã;
- Các đồng chí UV BTV Đảng ủy;
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Đảng ủy;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các đ/c Đảng ủy viên;
- Các chi bộ trực thuộc Đảng ủy;
- VPĐU: CVP, PCVP, CV;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Lê Thanh Phương